

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận
2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 216/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985; trú tại: Khu phố 2, phường A, thị xã Th, tỉnh B;

Ủy quyền cho: Ông Cao Quang T, sinh năm 1986; trú tại: Khu phố B, phường B, thị xã Th, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 13/7/2019).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phú Đ, sinh năm 1976; trú tại: Khu phố 1A, phường A, thị xã Th, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Cao Quang T trình bày:

Ngày 10/01/2018 ông Nguyễn Phú Đ ký giấy vay ông Trần Thanh T 80.000.000đ không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2018. Ngày

31/01/2018 ông Đ ký giấy vay tiếp ông T 70.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Ngày 27/8/2019, ông T có gửi thông báo cho ông Đ yêu cầu trả nợ số tiền 70.000.000đ. Tổng cộng ông Đ ký giấy vay của ông T 150.000.000đ. Do ông Đ vay tiền nhưng chưa trả nên ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/8/2019 là 48.000.000đ.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/01/2018 và ngày 31/01/2018, thông báo trả tiền vay, phiếu gửi thông báo qua bưu điện.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2019, bị đơn ông Nguyễn Phú Đ trình bày:

Ông Đ có vay của ông T hai lần với số tiền 150.000.000đ. Nay ông T khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông Đ đồng ý trả số nợ gốc là 150.000.000đ, còn tiền lãi xin không trả, do hoàn cảnh đang khó khăn nên yêu cầu được trả dần.

Tại phiên tòa, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Quá trình tranh tụng, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu về phần tính lãi suất.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, coi như từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ số tiền vay, nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ cư trú tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đ được Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không tới tham dự phiên

tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đ trả 150.000.000đ đã vay theo hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/01/2018, ngày 31/01/2018 và tiền lãi 48.000.000đ tạm tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/8/2019.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2019 ông Đ thừa nhận có vay của ông T số tiền 150.000.000đ làm 2 lần. Ông Đ đồng ý trả ông T số tiền nợ gốc và xin ông T tiền lãi. Lời thừa nhận của ông Đ là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Tại bản tự khai ngày 15/11/2019 đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả số nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi 15%/năm. Thời gian tính lãi của 80.000.000đ kể từ ngày 01/4/2018 đến ngày xét xử (15/11/2019) và của 70.000.000đ kể từ ngày 01/9/2019 ngày xét xử (15/11/2019). Tuy nhiên, quá trình tranh tụng đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tiền lãi, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm, cụ thể: $80.000.000đ \times 10\%/năm \times 19,5 \text{ tháng} = 13.006.500đ$;

$70.000.000đ \times 10\%/năm \times 2,5 \text{ tháng} = 1.458.333đ$.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 164.464.833đ.

Từ những phân tích trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Phú Đ.

Buộc ông Nguyễn Phú Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền nợ là 164.464.833đ (trong đó nợ gốc là 150.000.000đ và lãi là 14.464.833đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú Đ phải chịu 8.223.242 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền 4.390.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0035971 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Thư
(đã ký)**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận an;
- Chi cục THADS thị xã Thuận an;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

